TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 811/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-11-2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Ông Trần Phú Nhuận

2/ Bà Tiêu Kim Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường A, Quận B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/6/2018, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2018/QĐXX-ST ngày 07/11/2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ông Võ Quang H, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: 506/19/38 đường 3/2, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: 506/19/38 đường 3/2, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2018, trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ông Võ Quang H trình bày:

Ông H và bà A tự nguyện chung sống từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn vì thời gian này hai bên đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên không làm thủ tục kết hôn được.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống được một thời gian khá hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do hai bên không có sự thông cảm và cách cư xử bà A luôn tạo cho không khí gia đình luôn căng thẳng. Do vợ chồng không còn tình cảm nên Ông H đã sống ly thân. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông H xin được ly hôn với bà A

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Ngọc Thủy Tiên sinh ngày 21/8/1996 và Võ Ngọc Bảo Trân sinh ngày 19/5/2006. Khi ly hôn Ông H đồng ý giao con cho bà A nuôi và cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H khai tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn Bà Trần Thị Ngọc A quá trình giải quyết vụ án có lời khai như sau: xác nhận quá trình chung sống và con chung như Ông H trình bày. Bà A khai nhận quá trình chung sống hai bên có đi làm thủ tục đăng ký kết hôn ở nước ngoài nhưng không có bản chính để giao nộp. Quá trình chung sống do Ông H không tâm đến đời sống chung vợ chồng và ông mong muốn được ly hôn với bà A nên bà không có ý kiến gì.

Khi ly hôn bà xin được nuôi con và Ông H cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của Ông H.

Về tài sản chung và nợ chung: bà A khai tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin được xét xử vắng mặt là hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn vì bất đồng quan điểm sống. Bản thân nguyên đơn và bị đơn không có đăng ký kết hôn nên theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông H và bà A. Về con chung hai bên thống nhất giao con cho bà A nuôi và Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận và nợ chung không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: căn cứ giấy khai sinh của Thủy Tiên và Bảo Trân có cơ sở xác định Ông H và bà A chung sống với nhau như vợ chồng. Nay Ông H yêu cầu ly hôn là tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Bà A hiện đang cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn Ông Võ Quang H và bị đơn Bà Trần Thị Ngọc A là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông H, Hội đồng xét xử xét thấy :

Ông Võ Quang H và Bà Trần Thị Ngọc A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 không thuộc những trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại điều 8 Luật Hôn nhân gia đình. Quá trình giải quyết vụ án Ông H và bà A có lời khai không thống nhất về quá trình đi đăng ký kết hôn của hai bên trong thời gian chung sống. Hai bên có xuất trình bản photo Giấy công nhận kết hôn số 039/40 ngày 28/3/1990 của Đại sứ quán Việt Nam tại Tiệp Khắc cấp và không có bản chính giao nộp cho Tòa. Ngày 05/11/2018, Tòa án nhân dân Quận 10 nhận được Công văn số 5658/SNV-LS-XM ngày 02/11/2018 về việc trả lời thông tin kết hôn của đương sự do Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh xác định "kết quả tra cứu sổ đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Tiệp Khắc (cũ)năm 1990 không thấy có tên Ông Võ Quang H và Bà Trần Thị Ngọc A". Xét, Ông H và bà A sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm về thủ tục đăng ký kết hôn quy định tại khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Nay xác định không còn tình cảm vợ chồng do bất đồng nhau về tính tình và quan điểm sống nên có yêu cầu được ly hôn là có cơ sở Hội đồng xét xử xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông H và bà A.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Ngọc Thủy Tiên sinh ngày 21/8/1996 và Võ Ngọc Bảo Trân sinh ngày 19/5/2006. Xét yêu cầu của bà A xin được nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào tờ trình bày nguyện vọng của trẻ Trân mong muốn được ở với mẹ cũng như hiện tại các trẻ đang được bà A chăm sóc, giáo dục. Do đó, việc giao trẻ Trân cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quyền lợi và nguyện vọng của trẻ nên được chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

[4.3] Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 5, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Võ Quang H và Bà Trần Thị Ngọc A.

Về con chung: Giao trẻ Võ Ngọc Bảo Trân sinh ngày 19/5/2006 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng bắt đầu từ tháng 11/2018 cho đến khi trẻ thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng viêc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Ông H chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0016003 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng Ông H chịu.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ đối với Ông H và bà A.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Nhàn